TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147/2019/QĐST-HNGĐ	*Đoan Hùng, ngày 09 tháng 07 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 224/ 2019/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thanh O - Sinh năm 1978;

Trú tại: Tổ 21B, khu 2B, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Bùi Hồng T - Sinh năm 1973;

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Quân khu 2, địa chỉ xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

+ Ông Phạm Gia N – Sinh năm 1957

Trú tại: Khu 2B, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Vũ Thị X – Sinh năm 1952

Trú tại: Khu 2B, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 07 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 07 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thanh O và anh Bùi Hồng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Hà Thị Thanh O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hà

Phương T – Sinh ngày 16/12/2002 và cháu Bùi Hà Phúc D – Sinh ngày 02/4/2010. Anh Bùi Hồng T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị O mỗi tháng 4.000.000đ (2.000.000đ/ 01 cháu/tháng), kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cả hai cháu trưởng thành, lao động tự túc được. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về vay nợ: Anh Bùi Hồng T có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị X số tiền 70.000.000đ và ông Phạm Gia N số tiền 20.000.000đ là số tiền anh T vay riêng của bà X và ông N, thời hạn trả kể từ tháng 7/2019. Anh T không phải trả lãi cho bà X và ông N.

Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị Hà Thị Thanh O tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0003207 ngày 14/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị O được hoàn lại 150.000đ.

+ Anh Bùi Hồng T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng anh T phải nộp 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND phường N;
- UBND xã H;
- Trại giam Quân khu 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Tuấn